

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 23/10/2019

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bình

2. Ông Vũ Kim Mỹ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 09 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn C – sinh năm 1980; có mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Chị Nguyễn Thị S – sinh năm 1983; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị S sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 08 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại xóm 11, xã Đ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, trong cuộc sống vợ chồng không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2010 vợ chồng mâu thuẫn và chị S đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị S cũng ở cùng xóm 11, xã Đ ở từ đó vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về chung sống với nhau được nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con cái: Anh và chị S có hai con chung cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004. Hiện các cháu đang ở cùng với chị S anh cũng có nguyện vọng nuôi các con tuy nhiên do các cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Nay ly hôn anh nhất trí nhường quyền nuôi con cho chị S. Do vậy anh đề nghị tòa án giao hai cháu Trần Văn Tr và Trần Thị H cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị S không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh C kết hôn hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 8 năm 2001 tại UBND xã Đ, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh C và chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh C không tu trí làm ăn, thường xuyên ngược đãi, chửi bới và xúc phạm vợ con. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân nhau 10 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị nhất trí ly hôn với anh C. Chị xác định anh chị đã sống ly thân 10 năm nay và không có khả năng về đoàn tụ, chị cũng không muốn nhìn thấy mặt C nữa, mặt khác do điều kiện công việc của chị rất bận nên chị đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt chị

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004. Các cháu đang ở cùng với chị, khi vợ chồng ly hôn các cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giao hai cháu Tr và H cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị S

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trần Văn C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

- Án phí: Anh Trần Văn C nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị S, chị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị S có Đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 08 năm 2001 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh C tại Xóm 11, xã Đ, quá trình chung sống do vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau gần 10 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cũng không có khả năng về đoàn tụ. Anh C có đơn xin ly hôn chị S cũng nhất trí ly hôn.

Mặt khác căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ xác định anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị S kết hôn hợp pháp năm 2001 tại xã Đ, sau thời gian anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5, 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo dư luận cuồn cuộn anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, năm 2009 – 2010 chị S đã về nhà bố mẹ đẻ ở và không quay về sống cùng với anh C nữa.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa anh C và chị S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh C và chị S có hai con chung cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 hiện các cháu đang ở cùng với mẹ, chị S có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu bản thân anh C lúc đầu cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Tr và H. Tuy nhiên do nguyện vọng các cháu muốn ở với mẹ nên tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ anh đã nhất trí giao hai cháu Trần Văn Tr và cháu Trần Thị H cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các con căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần giao cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng đối với các con do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối cháu Tr và cháu H. Do vậy Hội đồng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị S được ly hôn

2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Văn Tr sinh ngày 15 tháng 07 năm 2002 và cháu Trần Thị H sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu

Tr và cháu H, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003140 ngày 16 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Đ, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Kim Sơn
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Sơn
- UBND xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh